TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày 09 - 02 - 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Đoan;

2. Bà Trần Thị Phượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Hòe – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2017/TLST-TCDS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-TCDS ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Bà Vũ Thị L, sinh năm 1967

Địa chỉ: Xóm L, xã HL, huyện A, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975 và chị Trần Thị L, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Xóm H, xã A, huyện A tỉnh Nam Định.

(Tại phiên toà bà L, anh H, chị L đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày: Bà L và vợ chồng anh H, chị L không có anh em họ hàng gì, qua bà Đoàn Thị S là hàng xóm của bà L và là dì ruột chị L nên hai bên có biết nhau. Ngày 29/12/2016 âm lịch, vợ chồng anh H, chị L có đến nhà bà L hỏi vay số tiền 90.000.000đ. Khi vay, vợ chồng anh H, chị L có nói với bà L mục đích vay để làm

ăn và hẹn đến ngày 29/4/2017 âm lịch sẽ trả hết nợ. Sau khi nhận tiền, vợ chồng anh H, chị L đã viết giấy biên nhận có đầy đủ nội dung như người vay, số tiền vay, thời hạn thanh toán, chữ ký của các bên và giao cho bà L giữ. Đến hạn, bà L đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H, chị L không trả nợ. Vì vậy, bà L khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu buộc vợ chồng anh H, chị L phải thanh toán trả cho bà L số tiền vay gốc 90.000.000đ, bà L không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Thị L trình bày: Về mối quan hệ giữa bà L và vợ chồng anh H, chị L như bà L đã trình bày là đúng. Bị đơn công nhận có vay của bà L số tiền 90.000.000đ như bà L đã kê khai nhưng ngày vay là ngày 10/12/2015 âm lịch. Nay vì điều kiện kinh tế gia đình thực sự khó khăn nên vợ chồng anh H, chị L chưa có tiền để trả cho bà L. Vợ chồng anh H, chị L đề nghị bà L được trả nợ dần theo phương thức 3 tháng trả 1 lần, mỗi lần trả 10.000.000đ, nếu bà L không nhất trí thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Về phương thức trả nợ dần như bị đơn đã trình bày, nguyên đơn bà L không nhất trí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở mối quan hệ quen biết tin tưởng nhau nên bà Vũ Thị L đã cho vợ chồng anh Nguyễn Thanh H, chị Trần Thị L vay số tiền 90.000.000đ. Căn cứ đơn khởi kiện, lời khai của các bên đương sự, biên bản hòa giải có đủ cơ sở khẳng định việc vợ chồng anh H, chị L có hợp đồng vay tiền của bà L là sự việc có thật.

[2] Về hợp đồng vay: Xét hợp đồng vay giữa bà L và vợ chồng anh H, chị L là hợp đồng có thời hạn vì hai bên có thỏa thuận thời hạn thanh toán. Đến hạn, vợ chồng anh H, chị L không trả nợ nên bà L khởi kiện đòi nợ. Vợ chồng anh H chị L thừa nhận có vay và còn nợ của bà L 90.000.000đ nhưng do kinh tế khó khăn chưa

có trả ngay mà xin trả dần nhưng bà L không nhất trí. Do đó, có đủ cơ sở buộc vợ chồng anh H, chị L phải thanh toán trả cho bà L số tiền vay gốc 90.000.000đ là phù hợp pháp luật.

[3] Về ngày vay: Bà L khai cho vợ chồng anh H, chị L vay ngày 29/12/2016 âm lịch là phù hợp với giấy biên nhận bản gốc mà bà L đã nộp cho Tòa án; vợ chồng anh H chị L khai vay tiền của bà L ngày 10/12/2015 âm lịch nhưng quá trình giải quyết vụ án vợ chồng anh H, chị L không xuất trình được chứng cứ chứng minh về ngày vay tiền. Căn cứ giấy biên nhận do nguyên đơn xuất trình có đủ căn cứ khẳng định việc vợ chồng anh H, chị L vay tiền của bà L vào ngày 29/12/2016 âm lịch.

[4] Về lãi suất: Trong bản hợp đồng vay do nguyên đơn xuất trình, hai bên không thỏa thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Thị L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Vũ Thị L không phải nộp án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 401, 402, 404, 405, 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Thị L là hợp pháp.

2. Xử buộc vợ chồng anh Nguyễn Thanh H, chị Trần Thị L phải thanh toán trả cho bà Vũ Thị L số tiền nợ gốc là 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Thị L phải nộp 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Vũ Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) tại biên lai số 0002361 ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND tỉnh, huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND xã A: 01 bản;
- Cấp cho đ- ơng sự: 02 bản;
- L- u hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.